

KINH TẾ TRANG TRẠI SAU 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 03/CP CỦA CHÍNH PHỦ KẾT QUẢ và GIẢI PHÁP

NGUYỄN PHƯỢNG VỸ^(*)

Ngày 02/2/2000, Chính phủ ban hành Nghị quyết 03/2000/NQ-CP về Kinh tế trang trại (KTTF) đã nêu rõ quan điểm và các chính sách khuyến khích phát triển KTTF bao gồm: đất đai, thuế, đầu tư, tín dụng, lao động, khoa học, công nghệ, thị trường, bảo hộ tài sản đã đầu tư và nghĩa vụ của chủ trang trại. Dưới đây là một số tình hình sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 03/CP về KTTF.

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI TỪ SAU NGHỊ QUYẾT 03/CP CỦA CHÍNH PHỦ.

1. KTTF phát triển tương đối nhanh về số lượng, đa dạng về hình thức tổ chức sản xuất, thu hút được các nguồn vốn nhân rồi ở từng địa phương và từng vùng.

Theo tiêu chí phân loại trang trại thống nhất chung trong cả nước, qua báo cáo của 61 tỉnh, thành phố đến năm 2004, có tổng số 107.169 trang trại, bình quân 1.796 trang trại/tỉnh. Nếu so sánh với năm 2000, cả nước có 55.852 trang trại, bình quân 915 trang trại/tỉnh thì tốc độ tăng số lượng trang trại bình quân trong năm 2000 - 2004 khoảng 20%, tức khoảng 9000 trang trại/năm. Các địa phương, các vùng có nhiều quỹ đất nông, lâm nghiệp và diện tích mặt nước chưa sử dụng, vùng kinh tế năng động thì KTTF phát triển nhanh. Vùng Đông Nam Bộ năm 2004 so với năm 2000 tăng khoảng 30,6%, vùng Tây Nguyên tăng 46,6%.

Về loại hình sản xuất của trang trại: KTTF phát triển với nhiều loại hình hoạt động sản xuất đa dạng, phong phú. Trang trại trồng

trọt nông nghiệp chiếm 55,3%, trang trại chăn nuôi chiếm 10,3%, trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm 27,3%, trang trại lâm nghiệp chiếm 2,2% và trang trại sản xuất, kinh doanh tổng hợp chiếm 6,9%. Trong quá trình phát triển, nhìn chung cơ cấu các loại hình trang trại trên có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng trang trại nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi, giảm tỷ trọng trang trại trồng trọt nông nghiệp. Năm 2001, số trang trại thủy sản chiếm 22,9%, năm 2004 chiếm 27,3%; trang trại chăn nuôi chiếm 2,9% năm 2000, tới năm 2004 chiếm 10,3%. Tuy nhiên, ở những vùng sản xuất nguyên liệu gắn với khu công nghiệp chế biến như mía đường, dứa... loại hình trang trại trồng trọt nông nghiệp vẫn ổn định, phát triển.

2. KTTF góp phần khai thác hiệu quả diện tích mặt nước, đất hoang hóa, đất ven sông, ven biển v.v... tạo ra những vùng sản xuất tập trung, thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ và tạo điều kiện cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển.

Năm 2004, theo báo cáo của 57 tỉnh, thành phố với số lượng 108.821 trang trại đã sử dụng 460.283,5 ha, bình quân 4,43 ha/trang trại. Trong đó trang trại trồng trọt nông nghiệp bình quân 4,38 ha/trang trại, trang trại lâm nghiệp bình quân 24,08 ha/trang trại, trang trại nuôi trồng thủy sản bình quân 3,52 ha v.v...

Cách nuôi trồng thủy sản của các trang trại cũng rất đa dạng như: nuôi thâm canh, bán

(*) Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

Phát triển KTTT đã được đồng đạo hộ gia đình nông dân hưởng ứng, hình thành đội ngũ nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm, tăng bước hợp tác kinh tế giữa các chủ trang trại với nhau và giữa các trang trại với các hợp tác xã, các doanh nghiệp. Xu hướng phát triển sự hợp tác giữa chủ trang trại với người lao động làm thuê ngày càng tăng. Một số trang trại có như các đề tài nghiên cứu hình thành hợp tác xã.

Mức độ thời gian phát triển KTTT còn ngắn, nhưng với kết quả đạt được KTTT đã chứng minh các đề tài nghiên cứu hình thành hợp tác xã.

Phát triển KTTT đã được đồng đạo hộ gia đình nông dân hưởng ứng, hình thành đội ngũ nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm, tăng bước hợp tác kinh tế giữa các chủ trang trại với nhau và giữa các trang trại với các hợp tác xã, các doanh nghiệp. Xu hướng phát triển sự hợp tác giữa chủ trang trại với người lao động làm thuê ngày càng tăng. Một số trang trại có như các đề tài nghiên cứu hình thành hợp tác xã.

Năm 2004, theo báo cáo của 44 tỉnh, các trang trại đã sử dụng 441.389 lao động, bình quân có 5,6 lao động/trang trại, trong đó lao động của chủ trang trại chiếm tỷ lệ khoảng 44%, còn lại là lao động thuê ngoài. Việc thu hút lao động, giải quyết việc làm của các trang trại đã làm giảm bớt áp lực do thiếu việc làm, góp phần tăng tích lũy, xóa đói, giảm nghèo ở nhiều vùng nông thôn.

Phát triển KTTT đã được đồng đạo hộ gia đình nông dân hưởng ứng, hình thành đội ngũ nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm, tăng bước hợp tác kinh tế giữa các chủ trang trại với người lao động làm thuê ngày càng tăng. Một số trang trại có như các đề tài nghiên cứu hình thành hợp tác xã.

Phát triển KTTT đã được đồng đạo hộ gia đình nông dân hưởng ứng, hình thành đội ngũ nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm, tăng bước hợp tác kinh tế giữa các chủ trang trại với người lao động làm thuê ngày càng tăng. Một số trang trại có như các đề tài nghiên cứu hình thành hợp tác xã.

Về giá trị sản phẩm hàng hóa: theo báo cáo của 41 tỉnh, năm 2004 tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ của 83.782 trang trại là 9.982.634,1 tỉ đồng, bình quân một trang trại 119,2 triệu đồng. Trong đó vùng Đông Nam Bộ có giá trị sản phẩm hàng hóa bình quân 1 trang trại đạt 211,6 triệu đồng; vùng Tây Bắc chỉ đạt 60,7 triệu đồng. Loại hình trang trại có giá trị hàng hóa cao nhất là trang trại chăn nuôi đạt 169,8 triệu đồng/trang trại; trang trại nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 153,9 triệu đồng/trang trại, cao nhất có trang trại trên 400 triệu đồng; thấp nhất là trang trại

Nhiều chủ trang trại đã chủ trương áp dụng kiến thức khoa học, công nghệ vào sản xuất; sản phẩm hàng hóa và thu nhập của các trang trại ngày càng tăng cao.

3. Kinh tế trang trại đã ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất;

KTTT đã phát huy được lợi thế so sánh của từng địa phương, từng vùng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Các trang trại thủy sản tập trung phát triển ở những vùng ven biển, nơi có nhiều sông, hồ, đầm như: đồng bằng sông Hồng, ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Trang trại trồng cây lâu năm tập trung ở vùng có khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp như: vùng trang trại trồng cây ăn trái ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên; trang trại chăn nuôi tập trung ở các tỉnh gần thành phố lớn và khu công nghiệp nơi có thị trường tiêu thụ mạnh như: các tỉnh đồng bằng sông Hồng, ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai v.v...

thảm canh, lồng bẹ, ao hãm, luân canh, xen canh theo các mô hình lúa + cà, tôm + lúa, tôm + vudon, hoặc tôm + rừng nhằm nâng cao hiệu quả hàng chục vạn ha lúa năng suất bấp bênh, năng suất thấp và mất nước bờ hoang.

minh được vai trò và ý nghĩa to lớn của mình về tổ chức sản xuất hàng hóa lớn, một mặt đã tạo ra lượng giá trị lớn về nông, lâm, thủy sản hàng hóa mà quy mô của nó vượt trội nhiều so với kinh tế hộ nông dân bình thường. Mặt khác, KTTT còn là mô hình sản xuất lấy hàng hóa, lợi nhuận làm mục tiêu. Kinh tế trang trại là nhân tố mới ở nông thôn, là động lực mới, phát huy năng lực kinh tế hộ nông dân, là điểm đột phá trong bước chuyển sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Phát triển kinh tế trang trại đã góp phần tích cực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, góp phần chuyển nền nông nghiệp từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa. Đó là các trang trại với những người chủ có ý chí, có trình độ kỹ thuật và quản lý, năng động, sáng tạo, có bản lĩnh khác phục khó khăn để làm ăn có hiệu quả, tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đóng góp sản phẩm nông nghiệp cho xã hội... góp phần làm bộ mặt nông thôn từng bước khởi sắc.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRONG THỜI GIAN QUA.

1. Kinh tế trang trại phát triển chưa gắn với quy hoạch, sử dụng đất ở từng địa phương. Việc giải quyết đất cho KTTT như: giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trang trại tiến hành chậm.

Với chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, chính quyền chưa chủ động trong xây dựng qui hoạch đất cho KTTT phát triển, dẫn đến các trang trại phát triển một cách tự phát, manh ai nấy làm, thiếu gắn bó với nhau theo yêu cầu sản xuất theo vùng về thủy lợi, giao thông, điện nước, thông tin liên lạc, thị trường... ở các địa phương đã có quy hoạch nhưng quy hoạch phát triển kinh tế trang trại chưa gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, với quy hoạch xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn, với phát triển công nghiệp chế biến, với các chương trình kinh tế, xã hội khác như định canh, định cư, chương trình xóa đói, giảm nghèo. Hầu hết cấp xã chưa có quy hoạch, kế hoạch phát triển trang trại nên khi hộ nông dân có điều kiện muốn phát triển trang trại thì UBND xã lúng túng không quyết định được.

Nhu cầu sử dụng và tích tụ đất của các trang trại ngày càng tăng và được hình thành từ

nhiều nguồn khác nhau, nhưng việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trang trại tiến hành chậm. Đến nay, diện tích đất của các trang trại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chiếm tỷ lệ khá cao (khoảng 55%) chủ yếu tập trung ở các trang trại trồng cây lâu năm và trang trại lâm nghiệp.

Một số tỉnh cho rằng hiện nay còn thiếu các chính sách khuyến khích các chủ trang trại tích tụ đất, sử dụng đất đai vượt hạn điền để mở rộng qui mô và phát triển số lượng trang trại, nhất là ở những vùng khó khăn, vùng đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa đang còn nhiều tiềm năng cho KTTT phát triển. Mặt khác, ở một số nơi tình trạng sang nhượng, tích tụ đất trái pháp luật làm tăng số hộ không đất dẫn tới nghèo đói, đặc biệt là người dân tộc thiểu số mất đất canh tác nhưng không được xem xét và có biện pháp xử lý kịp thời. Ngược lại đang tồn tại một bộ phận trang trại có qui mô diện tích lớn vài chục đến vài trăm ha nhưng chủ trang trại không đủ khả năng quản lý, đầu tư, thậm chí quảng canh dẫn đến hiệu quả sử dụng đất thấp, một số diện tích bỏ hoang không sử dụng mà không được xử lý kịp thời. Một số chủ trang trại mượn đất, thuê đất của các chủ sử dụng đất khác hoặc nhận khoán đất của nông, lâm trường nhưng không được hưởng quyền của người thuê đất, nhận khoán đất mà pháp luật quy định, nên chưa thực sự yên tâm khi bỏ vốn đầu tư vào việc phát triển sản xuất của trang trại.

2. Chất lượng sản phẩm hàng hóa của trang trại chưa cao, chủ yếu dưới dạng thô, nhiều chủ trang trại chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường nên sản xuất còn thụ động, hiệu quả thấp.

Hiện nay, nhiều trang trại đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản nên chủ yếu tập trung vào mở rộng diện tích, chưa tính tới áp dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, vệ sinh, tưới nước, cơ giới hóa, chế biến, bảo quản nên đã hạn chế đến năng suất và chất lượng sản phẩm. Để nâng cao giá trị sản phẩm, một số trang trại đã tổ chức chế biến, song chủ yếu ở dạng sơ chế quy mô nhỏ trang bị ở mức thấp. Do đó, năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm chưa cao, sức cạnh tranh trên thị trường chưa mạnh. Nhìn chung, sản phẩm tiêu thụ của trang trại

chủ yếu dưới dạng thô nên giá bán thấp ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của trang trại. Theo báo cáo của các địa phương, có trên 90% sản phẩm của trang trại bán ở dạng thô hoặc tươi sống chưa qua chế biến, 60% sản phẩm của trang trại bán với giá thấp. Tỉnh Yên Bái có 98% sản phẩm của trang trại bán ở dạng thô, tỉnh Thái Nguyên 82,4%, tỉnh Đồng Nai 96,4%, TP. Hồ Chí Minh 95,2%. Ở nhiều địa phương có trang trại đang đứng trước khó khăn lớn do giá bán nông sản thấp hơn giá thành sản xuất, dẫn đến thua lỗ có thể bị phá sản.

Về tiêu thụ sản phẩm, những trang trại ở gần các nông, lâm trường hoặc ở vùng có nhà máy chế biến thì được các doanh nghiệp này đầu tư và thu mua sản phẩm. Nhưng phần lớn trang trại phải tự tìm thị trường hoặc thông qua trung gian để tiêu thụ sản phẩm. Ở Yên Bái lượng sản phẩm của trang trại tiêu thụ qua trung gian chiếm tỷ lệ 89% sản phẩm hàng hoá của trang trại. Tỷ lệ này ở Thái Nguyên là 64,8%, Đồng Nai là 77,5%, thành phố Hồ Chí Minh là 96,2%.

Nhiều trang trại ở Tây Nguyên khi thu hoạch sản phẩm với số lượng lớn nhưng do không bán được sản phẩm nên chủ trang trại phải chặt phá cây cũ để trồng loại cây mới làm thất thoát rất lớn tới công sức đầu tư của cả trang trại và của xã hội. Ở tỉnh Quảng Nam, có trang trại trồng cây lâu năm do tiêu thụ sản phẩm khó khăn, thị trường không ổn định, thiếu vốn đầu tư nên đã phải giải thể. Hầu hết các trang trại trồng cây ăn quả như: mận, dưa, nhãn, vải, na, dưa hấu v.v... trang trại lâm nghiệp trồng rừng nguyên liệu giấy ở hầu hết các tỉnh khi bước vào thời vụ thu hoạch thường rất lúng túng về tiêu thụ sản phẩm.

3. Trình độ quản lý của các chủ trang trại và tay nghề của người lao động còn hạn chế.

Đa số chủ trang trại trình độ học vấn thấp, số đông chưa qua đào tạo. Các chủ trang trại này thường tiến hành sản xuất, kinh doanh dựa vào kinh nghiệm và sự nhiệt tình của mình, nhiều trang trại không có sổ sách ghi chép, hạch toán kinh doanh nên hiệu quả kinh doanh chưa cao và thiếu bền vững. Lao động làm việc trong các trang trại chưa qua đào tạo nghề nghiệp. Lực lượng lao động thuê ngoài chủ yếu là lao động phổ thông, trong đó tỷ lệ

chưa qua đào tạo chiếm 95%. Hiện có khoảng 50% số trang trại có sử dụng lao động chuyên môn để làm một số công việc như: vận hành, điều khiển máy móc, thiết bị. Nhưng bộ phận lao động này chiếm tỷ lệ nhỏ (khoảng 5%) trong tổng số lao động của trang trại.

4. Kinh tế trang trại nhiều nơi chưa được chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi để hưởng các chính sách khuyến khích của nhà nước.

Chủ trương của Đảng và nghị quyết của Chính phủ về phát triển trang trại đã được các Bộ, ngành và địa phương quán triệt và thực hiện. Trong khi nhiều địa phương đã triển khai tốt các chính sách để khuyến khích kinh tế trang trại phát triển như: cho vay vốn, cho thuê đất dài hạn, cấp giấy chứng nhận trang trại, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn còn nhiều địa phương chưa thực hiện các chính sách về giao đất và cho thuê đất, cho vay vốn, hỗ trợ khoa học - kỹ thuật v.v... Một số địa phương quyết định rút bớt đất của trang trại nhưng không đền bù thỏa đáng cho chủ trang trại số vốn đã đầu tư, chưa chú trọng bảo vệ tài sản của chủ trang trại. Hiện tượng trộm cắp tài sản, làm tổn hại sản xuất của trang trại đã là mối lo ngại chung của các chủ trang trại. Nhiều địa phương chưa quan tâm đến việc cấp giấy chứng nhận cho các chủ trang trại nên số trang trại được cấp giấy chứng nhận chưa nhiều (cả nước mới có 6,3% số trang trại được cấp giấy chứng nhận trang trại).

Do quy hoạch phát triển kinh tế trang trại làm còn chậm nên các cơ sở hạ tầng phục vụ cho sự phát triển của trang trại còn thiếu, không đồng bộ.

Nguồn lực tài chính của các trang trại còn hạn hẹp, hầu hết các trang trại đều thiếu vốn hoạt động, việc đầu tư không đồng bộ chưa đủ sức đầu tư theo chiều sâu, còn nặng về quảng canh, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp.

Ngoài một số trang trại quy mô lớn đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp, còn phần lớn các trang trại quy mô nhỏ chưa đăng ký kinh doanh theo luật nên chưa được hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước về đầu tư, tài chính, tín dụng và gặp nhiều khó khăn trong quan hệ giao dịch với các tổ chức kinh tế khác.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI.

1. Về quy hoạch đất và các nguồn lực cho phát triển kinh tế trang trại.

Các tỉnh, các huyện cần xây dựng quy hoạch đất để phát triển kinh tế trang trại. Đây là vấn đề hết sức quan trọng khắc phục tình trạng phát triển tự phát, hiệu quả thấp, kém bền vững của trang trại. Quy hoạch phát triển trang trại phải phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn, quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước, xử lý môi trường, cơ sở công nghiệp chế biến, cơ sở sản xuất, cung ứng giống cây... đảm bảo tốt các yêu cầu phục vụ cho việc phát triển trang trại bền vững. Cụ thể:

a. Về đất đai.

Các địa phương cần điều tra, khảo sát các trang trại hiện có, trên cơ sở đó làm rõ nguồn gốc đất sử dụng của trang trại, thực hiện việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ trang trại. Những chủ trang trại đang sử dụng đất làm kinh tế trang trại phù hợp với quy hoạch không có tranh chấp và sử dụng đất có hiệu quả thì được xem xét để giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Nhà nước nên miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất trang trại sử dụng vượt hạn điền ở các vùng đất trống, đồi núi trọc và vùng có nhiều khó khăn. Ở một số vùng khác, mức trả tiền thuê đất hiện tại cần xem xét phù hợp.

Đối với diện tích đất các chủ trang trại đang mượn hoặc đang thuê của nông, lâm trường thì cần rà soát lại; nếu nông, lâm trường không có kế hoạch sử dụng và việc tách diện tích đất các chủ trang trại đang thuê, đang mượn ra khỏi diện tích của nông, lâm trường không làm ảnh hưởng lớn đến quy hoạch sản xuất của nông, lâm trường thì đề nghị làm thủ tục chuyển diện tích đất đó cho chính quyền địa phương để xem xét giao theo chế độ có thu tiền sử dụng hoặc cho thuê theo Luật Đất đai.

b. Về vốn.

Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức thuộc các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại, hoặc liên kết, liên doanh, đầu tư

vốn cùng với chủ trang trại mở rộng sản xuất, kinh doanh theo phương thức "đối bên cùng có lợi ích và rủi ro chia sẻ tương xứng"; đề nghị bổ sung trang trại là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; đồng thời cần nghiên cứu các biện pháp ngăn chặn các hành vi lợi dụng chủ trương khuyến khích phát triển KTTT của Nhà nước để đầu cơ đất đai trục lợi.

Đề nghị cho các chủ trang trại được vay vốn theo Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP, ngày 17/01/2003 của Chính phủ về cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản; Thông tư số 03/2003/TT-NHNN, ngày 24/2/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP, ngày 17/1/2003 của Chính phủ về cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản và Quyết định số 423/2000/QĐ-NHNN1, ngày 22/9/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về chính sách tín dụng ngân hàng đối với KTTT. Các ngân hàng thương mại và chủ trang trại có thể chủ động thỏa thuận thời hạn và lãi suất tín dụng dựa trên phương án đầu tư của chủ trang trại và khả năng tài chính của ngân hàng thương mại.

c. Về lao động và đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho chủ trang trại, nâng cao tay nghề cho người lao động.

Khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ để các chủ trang trại mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thu dụng thêm lao động nông thôn. Ưu tiên các trang trại sử dụng nhiều lao động. Trang trại sử dụng lao động của những hộ nông dân không có đất, hoặc thiếu việc làm sẽ được ưu tiên vay vốn thuộc chương trình giải quyết việc làm, chương trình xóa đói, giảm nghèo. Ở những địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, cần có quy định và hướng dẫn cụ thể để trang trại được hưởng các chính sách ưu đãi theo Luật Đầu tư nhằm khuyến khích phát triển KTTT, giải quyết việc làm, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Đối với lao động được thuê làm việc thường xuyên trong trang trại, chủ trang trại phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã quy định tại Thông tư số 23/2000/TT-LĐTBXH, ngày 28/9/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn áp dụng một số chế độ đối với người lao động làm việc trong các trang trại như: hợp đồng lao động, trang bị bảo hộ lao động và trách nhiệm của chủ trang trại đối